

MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI KHÁNH HÒA

Hồ Thị Thanh Mai¹ và Phạm Thị Thanh Thủy²

¹Thanh tra tỉnh Khánh Hòa

²Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nha Trang

Thông tin chung:

Ngày nhận: 17/08/2015

Ngày chấp nhận: 26/07/2016

Title:

Relationship between economic growth and foreign direct investment in Khanh Hoa province

Từ khóa:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Khánh Hòa, Tăng trưởng kinh tế

Keywords:

Economic growth, , foreign direct investment, Khanh Hoa

ABSTRACT

This study is aimed to examine the relationship between economic growth and foreign direct investment (FDI) in Khanh Hoa. The 1995-2014 time-series data from Khanh Hoa Statistical Office's database were analyzed using the Var (Vector Autoregression) model with the Granger causality test via five economic variables, namely gross regional domestic product (GRDP), foreign direct investment capital (FDI), labor (L), human capital (SV) and openness of the economy (OPEN). The results showed that the economic growth is positively affected by FDI capital, but the FDI capital is not affected the economic growth in Khanh Hoa. From research results, it is suggested FDI attraction policies for economic growth in Khanh Hoa.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tập trung phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Khánh Hòa. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian giai đoạn 1995 - 2014 từ nguồn Cục Thống kê Khánh Hòa, sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp định lượng, bằng mô hình tự hồi quy vector Var (Vector Autoregression), kiểm định nhân quả Granger thông qua 5 biến số kinh tế làm đại diện là tổng sản phẩm trên địa bàn Khánh Hòa (GRDP), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (vốn FDI thực hiện), lao động (L), nguồn nhân lực (SV) và độ mở thương mại (OPEN). Kết quả nghiên cứu chỉ ra giữa tăng trưởng kinh tế và FDI ở Khánh Hòa có mối quan hệ nhân quả một chiều, tăng trưởng kinh tế có tác động tích cực đến thu hút vốn FDI, tuy vậy chưa tìm thấy FDI tác động đến tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, kết quả cũng chỉ ra SV có tác động thuận chiều đến GRDP và FDI, chưa phát hiện OPEN có tác động đến tăng trưởng kinh tế, FDI. Từ kết quả nghiên cứu gợi ý giải pháp thu hút FDI góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Khánh Hòa.

Trích dẫn: Hồ Thị Thanh Mai và Phạm Thị Thanh Thủy, 2016. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khánh Hòa. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44d: 28-38.

1 GIỚI THIỆU

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển. FDI không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế thông qua vốn và chuyển giao công

nghệ (Blomstrom *et al.*, 1996; Borensztein *et al.* 1998), góp phần tích tụ vốn con người thông qua các khóa đào tạo kỹ năng lao động cho nước nhận đầu tư (De Mello, 1997), mà còn là động lực thúc đẩy sự cạnh tranh đối với doanh nghiệp trong

nước. Một nước đang phát triển như Việt Nam rất cần những lan tỏa tích cực của khu vực FDI tận dụng nguồn vốn ngoại lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đầu tư giáo dục, quan tâm đến an sinh xã hội, bảo vệ môi trường. Nếu không đánh giá, phân tích đúng nguyên nhân chính sách thu hút, quản lý FDI, sẽ không tận dụng phát huy những ảnh hưởng tích cực, nguy cơ gánh chịu ô nhiễm môi trường, thất thu ngân sách, nơi bãi rác thải công nghệ... là không thể tránh khỏi. Khánh Hòa là tỉnh thuộc vùng Duyên hải miền Trung, mảnh đất của chim yến làm tổ, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2007-2013 là 10%, GRDP bình quân trên đầu người năm 2013 đạt 43,51 triệu đồng/người (Cục Thống kê Khánh Hòa, 2013), tuy nhiên vốn FDI thực hiện vào Khánh Hòa thấp. Kỳ vọng bắt kịp sự phát triển của thế giới đầy lùi tụt hậu, duy trì và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế các địa phương Việt Nam cũng như Khánh Hòa đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI. Mục tiêu năm 2020-2030 là Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, phát triển khu kinh tế - hành chính Bắc Vân Phong cần có đóng góp của FDI. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và FDI trên thế giới cũng như Việt Nam, sử dụng nhiều phương pháp cho kết quả khác nhau. Tuy nhiên, nghiên cứu ở góc độ địa phương còn hạn chế, tại Khánh Hòa chưa có nghiên cứu này. FDI đóng vai trò như thế nào đối với tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa? Nghiên cứu này phân tích vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế tại Khánh Hòa, kiểm định mối quan hệ nhân quả từ đó gợi ý biện pháp góp phần tăng cường thu hút quản lý FDI hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa.

2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Có nhiều lý thuyết nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và FDI. Trong đó, lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển (Solow, 1956) đã chỉ ra yếu tố vốn, vốn con người, công nghệ là yếu tố đầu vào cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, chỉ xem xét các yếu tố ở mặt số lượng, và coi đây là yếu tố ngoại sinh. Phát triển nghiên cứu này, lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã chỉ ra FDI thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài hạn thông qua kênh chuyển giao công nghệ; tích tụ vốn con người qua các khóa huấn luyện kỹ năng lao động cho nước sở tại (De Mello, 1997). Ngoài ra, lý thuyết chiết trung được tổng hợp phát triển bởi (Dunning, 1981) phân tích khác về mối quan hệ giữa tăng

trưởng kinh tế và FDI đó là, việc thu hút FDI phụ thuộc vào lợi thế của nước nhận đầu tư, gồm: lợi thế về sở hữu như công nghệ, vốn, nguồn lực...; lợi thế địa điểm như môi trường đầu tư, lao động nhiều giá thấp...; và lợi thế nội bộ hóa.

Dựa vào lý thuyết tăng trưởng nội sinh, lý thuyết chiết trung các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã vận dụng phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và FDI. Chẳng hạn, (De Mello, 1997) nghiên cứu FDI và tăng trưởng kinh tế ở 32 nước (17 nước thuộc tổ chức OECD và 15 nước không thuộc OECD) trong thời kỳ 1970-1990 sử dụng dữ liệu bảng và dữ liệu chuỗi thời gian. Nghiên cứu chỉ ra FDI có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở 17 nước thuộc tổ chức OECD, và không tìm thấy tác động ở 15 nước còn lại. (Hsiao, 2006) nghiên cứu 8 quốc gia châu Á cho thấy FDI có ảnh hưởng một chiều trực tiếp lên GDP và gián tiếp thông qua xuất khẩu. (Karikari, 1992) dùng mô hình Var kiểm định mối quan hệ giữa FDI và tăng trưởng kinh tế ở Ghana từ 1961-1988, cho thấy FDI không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, trong khi tăng trưởng kinh tế tác động làm giảm nhẹ dòng vốn FDI, Karikati lý giải, kết quả này có thể là do khối lượng vốn FDI không đáng kể theo dữ liệu thời gian, tác động FDI làm tăng tự do thương mại hơn là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước. Ở Việt Nam, (Sajid Anwar và Lan Phi Nguyen, 2010) dùng mô hình đồng thời để kiểm định mối quan hệ FDI và tăng trưởng kinh tế ở 61 tỉnh thành Việt Nam giai đoạn 1996 -2005 phương pháp GMM. Kết quả cho thấy FDI và tăng trưởng kinh tế vùng có mối liên kết hai chiều, các tỉnh thành tại khu vực Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và vùng núi phía Bắc thu hút lượng vốn FDI hạn chế, tác động của FDI đến tăng trưởng các tỉnh này tương đối yếu và gần như không có. Nghiên cứu cũng lý giải tác động của FDI tới tăng trưởng kinh tế phụ thuộc nhiều vào khả năng hấp thụ của các điểm đến, chỉ khi các tỉnh thành của Việt Nam hội tụ cơ bản các yếu tố như đầu tư con người, công nghệ, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, và một thị trường tài chính phát triển. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia, vùng miền có sự khác nhau, một số nghiên cứu tìm thấy có mối quan hệ hai chiều, FDI tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, hoặc không tìm thấy có tác động ở quốc gia khác. Sự khác biệt này có thể lý giải là do sự hấp thụ vốn của điểm đến, do phương pháp nghiên cứu, hay do dữ liệu.

Tùy tình hình cụ thể ở mỗi nước, mỗi góc độ nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, dữ liệu thu

thập được mà các biến giải thích có thể thêm, bỏ hoặc thay thế cho phù hợp. Chẳng hạn, (Nguyễn Thị Tuệ Anh và *ctv.*, 2006) dùng hàm sản xuất Cobb - Douglass, phương pháp hồi qui 2SLS giai đoạn 1988-2003. Cho rằng vốn con người hay trình độ lao động thấp làm hạn chế đóng góp của FDI vào tăng trưởng; và FDI tạo ra tác động tràn tích cực đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ nhờ tính linh hoạt và thích nghi với môi trường kinh doanh ở Việt Nam. Ngoài ra, (Sử Đình Thành và Nguyễn Minh Tiến, 2014) với dữ liệu 43 tỉnh thành, giai đoạn 1997-2012, phương pháp kiểm định nhân quả Granger chỉ ra FDI có quan hệ nhân quả với biến đầu tư tư nhân, nguồn lao động, nguồn thu thuế, cơ sở hạ tầng, độ mở cửa thương mại, và chênh lệch công nghệ; phương pháp GMM cho rằng FDI có tác động tăng trưởng kinh tế; và phương pháp PMG vectơ đồng liên kết dài hạn kết luận dòng chảy vốn FDI vào Việt Nam có sự khác biệt lớn ở các địa phương. Tóm lại, các nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra vốn, nguồn nhân lực, công nghệ, xuất khẩu, chi tiêu chính phủ, cơ sở hạ tầng, độ mở cửa nền kinh tế, công nghệ, môi trường... là những yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2.2 Mô hình nghiên cứu

Dựa vào lí thuyết, lược khảo tài liệu và các đóng góp của (Dunning, 1981), (De Mello, 1997), nghiên cứu đề xuất mô hình thực nghiệm phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và FDI tại Khánh Hòa với dữ liệu chuỗi thời gian thu thập ở Khánh Hòa trong giai đoạn từ 1995-2014, mô hình Var:

$$Y_t = \alpha_0 + \alpha_1 Y_{t-1} + \dots + \alpha_p Y_{t-p} + \beta_1 X_{t-1} + \dots + \beta_p X_{t-p} + \varepsilon_{yt}$$

$$Y = (\text{GRDP}, \text{FDI}, \text{OPEN}, \text{L}, \text{SV}).$$

Trong đó: t là thời gian. X_t , Y_t là các chuỗi thời gian. ε_{yt} là giá trị sai số ngẫu nhiên. p là trễ các biến số.

Các biến trong mô hình:

GRDP: Tăng trưởng kinh tế, đo bằng tổng sản phẩm trên địa bàn Khánh Hòa theo giá năm 2010 (tỷ đồng).

FDI: Vốn FDI thực hiện hàng năm tại Khánh Hòa, đơn vị tính (tỷ đồng) theo giá năm 2010.

OPEN: Độ mở thương mại tăng sẽ khai thác thế mạnh kinh tế địa phương tận dụng thị trường thế giới, đẩy mạnh tính cạnh tranh, điều này sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Biến này

cũng được xem là nhân tố để thu hút vốn FDI. Tính bằng phần trăm GRDP của tổng giá trị xuất khẩu hàng năm ở Khánh Hòa, đơn vị tính (%). (Sử Đình Thành và Nguyễn Minh Tiến, 2014) ước lượng GMM tìm thấy OPEN với độ trễ (1) tác động dương đến tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên phương pháp PMG có tác động âm, ngược chiều đến tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn. (Hồ Đắc Nghĩa, 2014) tìm thấy độ mở kinh tế có tác động dương đến năng suất.

L: lao động trong các ngành kinh tế, đơn vị tính (người).

SV: Nguồn nhân lực để phản ánh trình độ lao động, đo bằng số lượng sinh viên đại học, cao đẳng, đơn vị tính (người). Ở trình độ này người lao động được trang bị kiến thức cơ bản đáp ứng cho yêu cầu công việc, kích thích tăng trưởng kinh tế. Nguyễn Thị Tuệ Anh và *ctv.*, 2006 đo bằng tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã tốt nghiệp cấp tiểu học, phổ thông cơ sở và tỷ lệ dân số biết chữ. Nghiên cứu chỉ ra vốn con người vừa có tác động tiêu cực, vừa có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Sử Đình Thành và Nguyễn Minh Tiến, 2014 đo bằng số người trong độ tuổi lao động trên dân số, có tác động dương đến tăng trưởng kinh tế. Hồ Đắc Nghĩa, 2014 đo bằng số lượng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, không có tác động tích cực đến thu hút FDI nhưng ngược lại số người lao động có đào tạo tác động dương ngay sau năm tăng FDI.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để phân tích thực trạng mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và FDI tại Khánh Hòa, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp định lượng. Số liệu phân tích được thu thập từ số liệu thứ cấp từ nguồn Niên giám Thống kê Khánh Hòa năm 1995, 2000, 2005, 2010, 2012, 2013 và các báo cáo tỉnh Khánh Hòa, Sở Kế hoạch Đầu tư Khánh Hòa, Tổng cục Thống kê, số liệu thu thập theo năm, giai đoạn 1995-2014 (20 quan sát). Các biến trong mô hình thực nghiệm được chuyển sang dạng logarithm tự nhiên để ước lượng. Sử dụng phần mềm Excel, Eview để hỗ trợ trong quá trình phân tích xử lý số liệu được thể hiện qua bảng biểu, hình minh họa.

Phương pháp thống kê, mô tả để phân tích thực trạng mối quan hệ định tính giữa tăng trưởng kinh tế và FDI. Đồng thời dùng phương pháp so sánh, đối chiếu chỉ số tương đối, tuyệt đối để đánh giá. Phương pháp tổng hợp, phân tích nhằm làm rõ vai trò của FDI đối với tăng trưởng kinh tế tại Khánh

Hòa gồm: FDI bổ sung vốn, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, mở rộng đối ngoại, FDI đối với môi trường... làm căn cứ để đưa ra các biện pháp thu hút, quản lý FDI hiệu quả, thúc đẩy tăng trưởng.

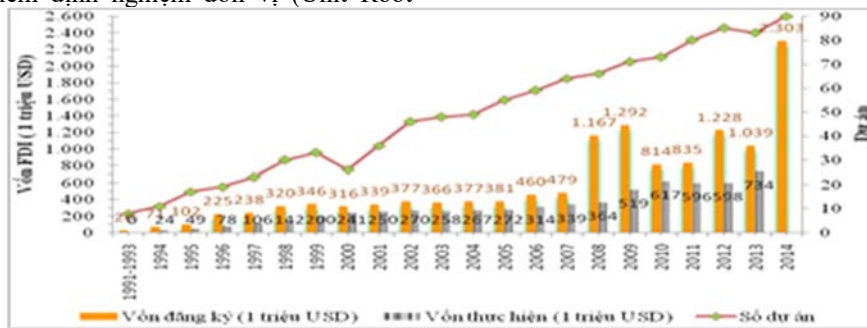
Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng mô hình Var được đề xuất bởi Christopher A.Sims (1980) đo lường ảnh hưởng của FDI đến tăng trưởng kinh tế, kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger để xác định có tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và FDI Khánh Hòa. Mô hình Var về cấu trúc có m biến và độ trễ của các biến số. Ưu điểm của Var là có thể ước lượng bằng phương pháp bình phương bé nhất (OLS) và không quan tâm đến biến nội sinh. Tuy nhiên, yêu cầu của mô hình Var là các biến phải dừng và chọn khoảng trễ phù hợp. Kiểm tra bậc dừng của các biến trong mô hình bằng kiểm định nghiệm đơn vị (Unit Root

Test), giả định chúng dừng ở bậc gốc I(0), nếu không dừng lấy sai phân bậc một cho chuỗi dừng; xác định khoảng trễ tối ưu của mô hình Var bằng cách dựa vào các tiêu chuẩn lựa chọn của AIC (Akaike's information criterion), SC (Schwarz information criterion), và HQ (hanman-Quinn information criterion) trên phần mềm Eview. Tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc trong mô hình được thể hiện qua hệ số ước lượng, dấu và ý nghĩa thống kê.

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1 Tổng quan FDI vào Khánh Hòa

Luật Đầu tư nước ngoài ra đời năm 1987, phải đến năm 1994 mới có dự án FDI thực hiện vào Khánh Hòa. Tính lũy kế đến hết 2014, Khánh Hòa có 90 dự án FDI còn hiệu lực, trung bình mỗi năm thu hút được hơn 3 dự án.



Hình 1: Diễn biến dòng vốn FDI vào Khánh Hòa

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa

Đặc điểm dòng vốn FDI vào Khánh Hòa chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ. Hình thức sở hữu FDI, những năm 90 chủ yếu là liên doanh, với 12/17 dự án (năm 1995) chiếm 70,5% tổng dự án FDI cấp phép, hình thức 100% vốn nước ngoài chỉ chiếm 29,5%. Hiện nay, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là phổ biến, hình thức liên doanh giảm, hình thức xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT) tại Khánh Hòa chưa có.

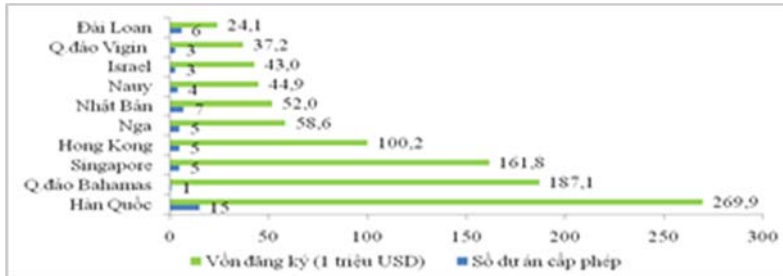
Cơ cấu đầu tư FDI theo ngành ở Khánh Hòa chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Năm 1994, cơ cấu FDI thực hiện theo ngành vào Khánh Hòa là dịch vụ - nông, lâm nghiệp và thủy sản – công nghiệp, chiếm tỷ trọng tương ứng 86,72% - 10,45% - 2,82% thì đến năm 2013 đã có sự thay đổi theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông, lâm nghiệp và thủy sản với tỷ trọng tương ứng 69,62% - 22,97% - 7,41%. Lũy kế đến 2013, FDI đầu tư vào ngành công nghiệp (chế biến, sản xuất bia, đồ gỗ song mây, thức ăn chăn nuôi,

may mặc, công nghiệp đóng tàu, cơ khí, lắp đặt thiết bị hàng hải...) chiếm 48,19% tổng số dự án, 43,15% tổng vốn đăng ký đầu tư. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến có 39 dự án chiếm 97,5% tổng dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, chiếm 99,3% tổng số vốn đăng ký đầu tư của ngành công nghiệp. Tiếp đến là ngành dịch vụ thu hút được 33 dự án, chiếm 39,76% tổng dự án, chiếm 49,22% tổng vốn đăng ký, chủ yếu là đầu tư vào lĩnh vực du lịch khách sạn như Lodge Hotel, Yasaka Hotel, Ana Mandara... Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản thu hút FDI thấp nhất cả về dự án lẫn vốn đăng ký và vốn thực hiện. Thu hút được 10 dự án chiếm 12,05% tổng dự án, chiếm 7,63% tổng vốn đăng ký, và 7,41% vốn thực hiện, đầu tư lĩnh vực chế biến hải sản xuất khẩu, nuôi trồng thủy sản, phát triển con giống, chế biến thức ăn thủy sản (Cục Thống kê Khánh Hòa, 2013). Mặc dù, các dự án FDI đầu tư vào tỉnh chủ yếu là ngành công nghiệp, song những ngành công nghiệp tạo giá trị gia tăng

cao vẫn chưa được thực hiện, chưa có đóng góp tích cực cho phát triển nông – lâm nghiệp, du lịch tỉnh Khánh Hòa.

Tính đến 31/12/2013 đã có 24 quốc gia, vùng lãnh thổ có dự án FDI ở Khánh Hòa. Trong đó, Hàn Quốc dẫn đầu, tiếp đến Bahamas, Singapore... Mặc dù, năm 2013 Khánh Hòa đã thu hút thêm các

quốc gia mới đầu tư vào tỉnh như: quần đảo Bahamas, Camy thuộc Grenada, Bi, vương quốc Anh. Tuy nhiên, những đối tác đầu tư lớn, ngoại giao lâu dài với Khánh Hòa như Nga, Nhật Bản năm 2013 lại giảm so 2012, tương ứng giảm 291,79 triệu USD (Nga), giảm 235,09 triệu USD (Nhật) (Cục Thống kê Khánh Hòa, 2013).



Hình 2: Đối tác đầu tư lớn vào Khánh Hòa năm 2013

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa, năm 2013

So với cả nước, tính đến 2013 vốn FDI đăng ký của Khánh Hòa đứng thứ 29/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam, thu hút được 1.026,6 triệu USD, chiếm 0,44% tổng vốn FDI đăng ký ở Việt Nam, thứ 6/6 tỉnh, thành phố vùng Duyên hải miền Trung (từ Khánh Hòa đến Đà Nẵng), thứ 11/14 tỉnh, thành phố thuộc khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (từ Bình Thuận đến Hà Tĩnh) xếp trên 3 tỉnh là Ninh Thuận, Quảng Trị và Quảng Bình. (Tổng cục Thống kê, 2013). Hơn 23 năm kể từ khi có dự án FDI đầu tiên vào tỉnh, Khánh Hòa đã thu hút 137 dự án với tổng vốn đăng ký 1.950,5 triệu USD, vốn pháp định là 539,8 triệu USD. Trong đó, có 54 dự án đã rút vốn, giải thể với vốn đăng ký 911,16 triệu USD, chiếm 47,8% so với tổng vốn đăng ký. Cùng với xu thế chung của cả nước mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, Khánh Hòa đã đón nhận luồng vốn FDI chảy vào địa phương. Tuy nhiên, vốn FDI vào Khánh Hòa chậm, thấp so với các tỉnh thành cả nước, trong đó có nguyên nhân: ảnh hưởng của bất ổn kinh tế thế giới; cộng thêm môi trường kinh doanh của Khánh Hòa chưa thật sự hấp dẫn. Mặc dù, tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều nỗ lực cải cách hành chính để cải thiện môi trường đầu tư, cụ thể: theo báo cáo cải cách hành chính năm 2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, trong đó giai đoạn 2011 đến 2015 đã cắt giảm 562 thủ tục hành chính, rút ngắn 30% thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền của các sở. Nhiều thủ tục cắt giảm từ 50 đến 80% thời gian giải quyết so với quy định hiện hành của Trung ương. Sở Kế hoạch và Đầu tư giảm từ 7 hoặc 5 ngày xuống còn 3 ngày đối với 65 thủ tục hành chính lĩnh vực đăng ký

kinh doanh. Thực hiện cơ chế một cửa liên thông, triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành. Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính của tỉnh còn hạn chế, chỉ số cải cách hành chính Khánh Hòa năm 2012, 2013 lần lượt xếp 34, 32; chỉ số PCI Khánh Hòa năm 2014 xếp thứ 16/63 tỉnh, thành trong cả nước, tăng 24 bậc so với năm 2010, tăng 18 bậc so năm 2013; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính đạt 75,96%, đối với sự phục vụ của cán bộ công chức đạt 81,42%, hạ tầng chưa theo kịp tốc độ triển khai các ứng dụng trực tuyến, thời gian giải quyết thủ tục hành chính còn kéo dài, hệ thống thể chế chưa đáp ứng đủ yêu cầu... Để duy trì và phát triển vốn FDI vào Khánh Hòa môi trường kinh doanh tỉnh cần được cải thiện thông thoáng, minh bạch và công bằng.

4.2 Vai trò của khu vực FDI

4.2.1 FDI đối với vốn đầu tư xã hội

Giá trị vốn đầu tư phát triển toàn xã hội Khánh Hòa tăng qua các năm, giai đoạn 2001-2014, đạt 2.126 tỷ đồng lên 23.157 tỷ đồng, với tốc độ tăng trung bình là 22% năm. Trong đó, vốn góp của khu vực ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng vốn đầu tư phát triển, với giá trị vốn góp đạt từ 984 tỷ đồng lên 15.531 tỷ đồng, tốc độ vốn tăng bình quân 26%/năm. Khu vực nhà nước có tốc độ tăng bình quân 16%/năm. Trong khi khu vực FDI bổ sung vốn cho nhu cầu đầu tư phát triển tỉnh từ 2001-2014, đạt từ 340 tỷ đồng lên 826 tỷ đồng với tốc độ tăng trung bình là 22%/ năm. Năm 2001 tỷ trọng đóng góp của khu vực Nhà nước – khu vực ngoài quốc doanh – khu vực FDI vào vốn đầu tư

trong tỉnh Khánh Hòa đạt 37,7% - 46,28% - 16%, đến năm 2014 tỷ lệ này là 29,36% - 67% - 3,57%. Điều này cũng thể hiện những thay đổi trong đầu tư của các thành phần kinh tế. Theo xu thế chung cả nước cắt giảm đầu tư công nên nguồn vốn đầu tư vào tỉnh của khu vực Nhà nước có xu hướng giảm. Đóng góp của khu vực FDI trong đầu tư xã hội của tỉnh biến động, một phần do diễn biến thất thường của nguồn vốn này. Giá trị đóng góp của khu vực này cao nhất là 1.250 tỷ đồng vào năm 2010 và thấp nhất là năm 2005. Tỷ trọng vốn FDI trong tổng vốn đầu tư xã hội tỉnh tăng mạnh giai đoạn 2001-2004, từ mức 16% lên 17,9 %, với tốc độ tăng bình quân là 23%/năm do thời kỳ này GRDP tỉnh Khánh Hòa tăng cao khoảng 11%. Việc gia nhập WTO năm 2007 đã tạo cho các nhà đầu tư nước ngoài mở rộng đầu tư kỳ vọng vào thị trường mới. Tuy nhiên, tỷ lệ này giảm dần và thấp nhất là 3,29% năm 2011, năm 2014 FDI chiếm 3,57%

trong tổng vốn đầu tư phát triển.

4.2.2 FDI đối với tăng trưởng kinh tế

So với các khu vực kinh tế khác thì khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng thấp nhất trong GRDP tỉnh Khánh Hòa. Thời kỳ đầu năm 1994-1996, mức độ đóng góp khu vực FDI vào GRDP tỉnh còn khiêm tốn, cao nhất chỉ 1,71% năm 1996. Từ năm 2000-2010, GRDP thực tế tăng qua các năm với tốc độ tăng bình quân là 18% năm, tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI trong GRDP bình quân mỗi năm là 8,3%. Giai đoạn 2001-2005, GRDP bình quân tăng 16% năm, tỷ trọng đóng góp chỉ ở mức 7,72%. Tỷ trọng tăng mạnh trong giai đoạn 2005-2009, từ 8,6% đến 8,5% (so với cả nước từ 15,99% lên 18,43%), cao nhất là năm 2006 chiếm 9,6% GRDP của tỉnh Khánh Hòa, do nước ta bắt đầu gia nhập WTO và thời kỳ này đạt tăng trưởng kinh tế cao.



Hình 3: Đóng góp của các khu vực kinh tế vào GRDP tỉnh Khánh Hòa (giá hiện hành)

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa

Năm 2010-2013 tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI vào GRDP Khánh Hòa giảm xuống, năm 2013 chỉ đạt 6,2% GRDP tỉnh. Do tình hình kinh tế thế giới phức tạp khiến cho hoạt động sản xuất, thương mại toàn cầu bị biến động mạnh; sự sụt giảm của nền kinh tế thế giới đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước, đóng góp của khu vực FDI vào GRDP tỉnh tăng chậm.

4.2.3 Mở rộng đối ngoại, thu ngoại tệ từ xuất khẩu

Năm 1997-2014 đóng góp của khu vực FDI vào tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Khánh Hòa tăng, năm 1998 kim ngạch xuất khẩu Khánh Hòa đạt 10,37 triệu USD chiếm 7,8% trong khi năm 2014 đạt 423,92 triệu USD chiếm 39,6%, tăng gấp

40 lần so năm 1997. Điều này chứng tỏ mức độ mở cửa ngày càng sâu của kinh tế địa phương trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

Mặc dù dự án FDI có tỷ trọng xuất khẩu cao tuy nhiên giá trị xuất khẩu ròng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài không cao, do khu vực FDI cũng nhập khẩu lớn. Năm 2011 nhập khẩu khu vực FDI chiếm hơn 64%, năm 2014 chiếm 59,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của Khánh Hòa, hiện đang có xu hướng tăng nhanh hơn tỷ trọng xuất khẩu (Hình 4). Nhập khẩu khu vực FDI cao là do các dự án dùng dây chuyền thiết bị ngoại nhập, đồng thời sử dụng phần lớn chi phí đầu vào, nguyên vật liệu từ nhập khẩu là chính. Có thể nguồn nguyên liệu phụ trợ trong nước, địa phương chưa có hoặc chưa đáp ứng được yêu cầu của các khu vực FDI.



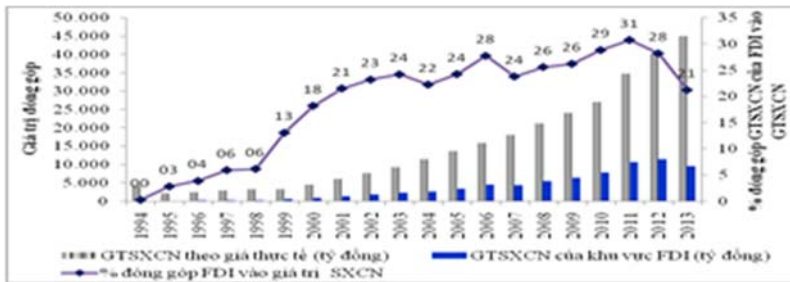
Hình 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu và tỷ trọng đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa

4.2.4 FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

Giai đoạn 1994-2012, giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN) khu vực FDI tại Khánh Hòa có xu hướng tăng, đóng góp đáng kể vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo hướng công nghiệp. Đỉnh điểm là năm 2011, khu vực FDI chiếm 30,7% vào GTSXCN tỉnh. So với GTSXCN

của tỉnh, tỷ trọng của khu vực FDI có xu hướng giảm, nếu năm 2000 là 18,17%, năm 2005 là 24,2%, 2011 là 30,7%, thì năm 2013 chỉ còn 21,19%. Sự sụt giảm đầu tư vào ngành công nghiệp của khu vực FDI Khánh Hòa có thể là do tính khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kinh tế biên dịch vụ.



Hình 5: GTSXCN khu vực FDI so với giá trị sản xuất công nghiệp Khánh Hòa

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa

So với các thành phần kinh tế khác, khu vực ngoài quốc doanh có GTSXCN cao nhất, năm 2014 chiếm 46,5% GTSXCN, tiếp đến là khu vực Nhà nước 27%, khu vực FDI chiếm 26,46%.

4.2.5 Đóng góp FDI vào tạo việc làm

Khu vực FDI tác động tích cực đến việc làm, lao động của Khánh Hòa. Năm 2013, số lượng lao động làm việc trong doanh nghiệp là 125.414 người, lao động làm việc trong doanh nghiệp có vốn FDI là 12.897 người, chiếm 10,28% tổng lao động làm việc trong doanh nghiệp tại Khánh Hòa. FDI tại Khánh Hòa chủ yếu tập trung vào lĩnh vực công nghiệp, số lao động làm việc trong doanh nghiệp FDI thuộc lĩnh vực này tăng qua các năm. Nếu năm 1994 doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sử dụng 1.255 lao động thì đến năm 2013 đã lên đến 11.503 lao động, tăng gấp 9,16 lần so với năm 1994. Mức độ tác động của

khu vực FDI đến chất lượng nguồn nhân lực chưa cao. Do các doanh nghiệp FDI tại Khánh Hòa thâm dụng lao động chủ yếu là lĩnh vực công nghiệp đóng tàu, cơ khí, kết cấu thép, lắp đặt thiết bị hàng hải; sản xuất bia, đồ gỗ, song mây, may mặc, thức ăn chăn nuôi... Bên cạnh đó, một số dự án của nhà đầu tư Đài Loan, Trung Quốc thường đưa lao động của nước mình sang thay vì tuyển dụng, đào tạo lao động ở nước đầu tư. Điều này cho thấy, nhu cầu lao động có trình độ kỹ năng chuyên môn cao của khu vực FDI Khánh Hòa còn hạn chế. Đây cũng là cách lý giải cho mức thu nhập bình quân lao động trong khu vực FDI thấp so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Năm 2013, mức thu nhập bình quân của lao động làm việc trong doanh nghiệp tư nhân là 3.504,8 ngàn đồng/người/tháng, doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 9.214,2 ngàn đồng/người/tháng; trong khi thu nhập bình quân lao động làm việc trong doanh nghiệp có vốn nước

ngoài 4.178 ngàn đồng/người /tháng, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là 3.972,6 ngàn đồng/người/tháng (Cục Thống kê Khánh Hòa, 2013).

4.2.6 Đóng góp FDI vào ngân sách

Nguồn thu ngân sách tỉnh chủ yếu từ các doanh nghiệp có vốn trong nước, tỷ trọng đóng góp của doanh nghiệp có vốn nước ngoài thấp và có xu hướng giảm. Năm 2000 tỷ trọng đóng góp là 3,15%, năm 2005 là 4,13%, năm 2010 là 2,27% và

2014 giảm xuống còn 2,07%. Trong đó, tỷ lệ thu nhập doanh nghiệp khu vực FDI chỉ chiếm từ 1,13% đến 2,61% so số thu của toàn ngành thuế Khánh Hòa, năm 2009 là 2,14%, năm 2014 giảm còn 1,52%. Tỷ trọng đóng góp nhỏ có thể do các doanh nghiệp FDI được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất. Tuy nhiên, tỷ lệ đóng góp vào ngân sách tỉnh có xu hướng giảm trong khi vốn đầu tư FDI tăng, đây là dấu hiệu không tốt cho kinh tế Khánh Hòa.



Hình 6: Thu ngân sách từ khu vực FDI và tổng thu ngân sách tỉnh Khánh Hòa

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa

4.2.7 Ảnh hưởng FDI vào môi trường

Môi trường sinh thái là một trong những tiêu chí để đánh giá tăng trưởng phát triển kinh tế bền vững. Những ảnh hưởng tiêu cực của khu vực FDI đối với nước nhận đầu tư đó là tình trạng ô nhiễm môi trường. Hiện nay, vấn đề xử lý nước thải, chất thải đổ ra môi trường vẫn chưa được chú trọng, xử lý chưa triệt để ở tỉnh Khánh Hòa. Hàng triệu tấn nix thải ở Ninh Thủy – Ninh Hòa do Công ty TNHH nhà máy tàu biển Hyundai-Vinashin thải ra trong quá trình sửa chữa tàu đã gây ô nhiễm nguồn nước ngầm, đất trồng trọt, và vùng biển khu vực. Tháng 6/2012 Ban quản lý khu kinh tế Vân Phong cấp giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty cổ phần Thạch Anh Vân Phong sản xuất vật liệu không nung có sử dụng hạt nix với công suất khoảng 75.000 tấn hạt nix thải/năm. Nếu công ty hoạt động

hiệu quả thì phải mất hơn 10 năm Công ty mới xử lý hết lượng nix thải đã đổ ra (Luu Phong, 2013). Đây là vấn đề thách thức đối với địa phương tỉnh Khánh Hòa trong việc quản lý các dự án có vốn FDI.

4.3 Kết quả ước lượng

Kết quả thống kê cho thấy, GRDP Khánh Hòa trung bình đạt 21.317.986 triệu đồng (theo giá năm 2010) giai đoạn 1995-2014. Trong đó, GRDP Khánh Hòa cao nhất 44.226.000 triệu đồng đạt được vào năm (2014), tăng gấp 5,68 lần với năm thấp nhất (1995) đạt 7.775.826 triệu đồng. Vốn FDI thực hiện ở Khánh Hòa cũng cao hơn gần 16 lần từ 957.489 triệu đồng (1995) lên 15.206.138 triệu đồng (2014), trung bình trong giai đoạn 1995-2014 là 6.829.432 triệu đồng

Bảng 1: Thống kê mô tả các biến trong mô hình

BIẾN	GRDP (triệu đồng)	FDI (triệu đồng)	L (người)	SV (người)	OPEN (%)
Lớn nhất	44.226.000	15.206.138	683.370	39.441	60,1
Trung bình	21.317.986	6.829.432	479.600	19.296	33,2
Trung vị	18.435.658	5.298.679	525.747	16.124	32,0
Nhỏ nhất	7.775.826	957.489	288.984	2.727	16,1
Độ lệch chuẩn	11.544.238	4.238.222	143.703	10.134	12,8
Quan sát	20	20	20	20	20

Kiểm định tính dừng: Trước khi tiến hành lựa chọn mô hình VAR để phân tích tác giả kiểm định tính dừng của các biến đầu vào bằng phương pháp

kiểm định nghiệm đơn vị ADF lần lượt đưa biến xu hướng và không xu hướng để kiểm định. Chiều dài độ trễ được xác định tự động bằng tiêu chí Schwarz information criterion.

Bảng 2: Kiểm định nghiệm đơn vị

Biến	Kiểm định ADF			
	ADF	1%	5%	10%
LnGRDP	2,20	-2,69	1,96**	-1,60
LnFDI	4,04	-2,69*	1,96	-1,60
LnOPEN	1,28	-2,69	-1,96	-1,60
LnL	3,39	-2,69*	-1,96	-1,60
LnSV	2,23	-2,70	-1,96**	-1,60
DLnGRDP	-0,32	-2,70	-1,96	-1,60
DLnFDI	-2,62	-2,69	-1,96**	-1,60
DLnL	-2,34	-2,70	-1,96**	-1,60
DLnSV	-2,56	-2,71	-1,96**	-1,60
DLnOPEN	-3,37	-2,69*	-1,96	-1,60

Ghi chú: (*), (**), (***) có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 1%, 5%, 10%

Bảng 3: Kết quả lựa chọn bước trễ tối ưu

Lag	LogL	LR	FPE	AIC	SC	HQ
0	52.18721	NA	2.67e-09	-5.551436	-5.306373	-5.527076
1	146.6448	122.2392	8.85e-13	-13.72291	-12.25254	-13.57676
2	233.5563	61.34932*	1.78e-15*	-21.00662*	-18.31093*	-20.73867*

Ghi chú: * Bước trễ tối ưu lựa chọn bởi các tiêu chuẩn

Kiểm định mối quan hệ nhân quả: Bảng 4 cho thấy mối quan hệ nhân quả một chiều giữa tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa với FDI. Giữa biến GRDP, FDI với nguồn nhân lực. GRDP có tác

Kết quả kiểm định ADF cho thấy: biến GRDP, FDI, L, SV dừng ở bậc gốc, I(0); biến OPEN dừng ở sai phân bậc nhất, I(1). Như vậy, mô hình Var ước lượng với biến ban đầu LnGRDP, LnFDI, LnL, LnSV và DLnOPEN.

Bậc trễ tối ưu: Khi xem xét ảnh hưởng đến các biến khác thông thường các biến kinh tế có độ trễ khác nhau. Ngay tại thời điểm đầu tư các biến số kinh tế không tác động ngay lập tức mà có một độ trễ nhất định Với 5 tiêu chuẩn lựa chọn LR, FPE, AIC, SC, HQ bậc trễ tối ưu phần mềm Eview lựa chọn mô hình nghiên cứu là 2.

động đến FDI, trong trường hợp này GRDP là biến nguyên nhân còn FDI là biến kết quả. Tuy vậy, cũng phát hiện tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa không chịu sự tác động của FDI ở mức ý nghĩa 5%.

Bảng 4: Kết quả Kiểm định nhân quả

Giả thuyết Ho	Trễ 1		Trễ 2	
	Thống kê F	Giá trị p	Thống kê F	Giá trị p
LnGRDP không tác động đến LnFDI	6,94	0,01	3,33	0,06
LnFDI không tác động đến LnGRDP0	0,68	0,42	0,60	0,56
LnL không tác động đến LnFDI	1,08	0,31	2,12	0,15
LnFDI không tác động đến LnL	4,50	0,04	1,90	0,18
DLnOPEN không tác động đến LnFDI	1,59	0,22	0,69	0,51
LnFDI không tác động đến DLnOPEN	0,00	0,97	0,69	0,51
LnSV không tác động đến LnFDI	0,57	0,45	3,11	0,07
LnFDI không tác động đến LnSV	3,84	0,06	1,14	0,34
LnL không tác động đến LnGRDP	3,10	0,09	0,32	0,72
LnGRDP không tác động đến LnL	0,51	0,48	1,23	0,32
DLnOPEN không tác động đến LnGRDP	0,05	0,82	0,14	0,86
LnGRDP không tác động đến DLnOPEN	0,19	0,66	1,25	0,32
LnSV không tác động đến LnGRDP	0,01	0,91	0,24	0,78
LnGRDP không tác động đến LnSV	2,37	0,00	6,63	0,01
DLnOPEN không tác động đến LnL	0,34	0,56	0,37	0,69
LnL không tác động đến DLnOPEN	0,35	0,56	0,33	0,72
LnSV không tác động đến LnL	1,43	0,24	1,14	0,34
LnL không tác động đến LnSV	5,51	0,03	2,66	0,10
LnSV không tác động đến DLnOPEN	0,00	0,99	0,11	0,88
DLnOPEN không tác động đến LnSV	4,43	0,05	6,86	0,01

Ước lượng mô hình Var: 5 biến LnGRDP, LnFDI, LnL, LnSV và DLnOPEN, với độ trễ p=2.

- Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa: sau khi loại bỏ các biến không có ý

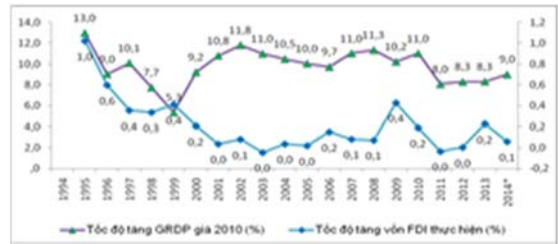
nghĩa xác định, kết quả thể hiện: $\text{LnGRDP}_t = 0,058 \cdot \text{LnFDI}_{t-2} + 1,225 \cdot \text{LnGRDP}_{t-1} + \varepsilon_t$

Với mức ý nghĩa 5%, tăng trưởng kinh tế của năm hiện tại chịu tác động bởi mức tăng trưởng kinh tế của một năm trước đó, nhưng không chịu tác động của FDI. Tuy vậy, ở mức ý nghĩa 10% FDI của hai năm trước đó được xem là có ảnh hưởng đến mức tăng trưởng kinh tế hiện tại.

– Tác động của tăng trưởng kinh tế đến FDI Khánh Hòa: sau khi loại bỏ các biến không có ý nghĩa xác định, kết quả thể hiện: $\text{LnFDI}_t = 0,386 \text{LnRGDP}_{t-1} + 0,341 \text{LnFDI}_{t-1} + 0,307 \text{LnSV}_{t-1} + \varepsilon_t$

Với mức ý nghĩa 5% cho thấy: GRDP có tác động cùng chiều đối với FDI ở độ trễ $p=1$. Có nghĩa là trung bình sau 1 năm thì việc tăng trưởng kinh tế sẽ tác động tích cực thu hút được vốn FDI vào Khánh Hòa là 0,386%. Ngoài ra, ở mức ý nghĩa 10% FDI còn nhận từ tác động của bản thân nó, có nghĩa sự thay đổi vốn FDI năm hiện tại sẽ ảnh hưởng đến FDI 1 năm sau đó. Ở độ trễ $p=1$ nguồn nhân lực (SV) tác động cùng chiều đến FDI ở mức ý nghĩa 10%, có nghĩa việc tăng SV ở năm t sẽ tác động tích cực thu hút FDI sau 1 năm với độ tăng 0,307%. Kết quả ước lượng cũng vượt qua các khuyết tật về hồi quy: tự tương quan, sai dạng mô hình, phương sai sai số thay đổi.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa có tác động tích cực thu hút dòng vốn FDI, trong khi FDI không có tác động đến tăng trưởng kinh tế địa phương ở mức ý nghĩa 5%. Nghiên cứu này tương đồng với Karikari (1992), Sajid Anwar và Lan Phi Nguyen (2010) nghiên cứu ở góc độ vùng. Điều này có thể được lý giải như nghiên cứu của Sajid Anwar và Lan Phi Nguyen (2010). Đó là: Khánh Hòa, thuộc khu vực Nam Trung Bộ, có mức thu hút lượng vốn FDI hạn chế thể hiện ở tốc độ tăng vốn FDI thực hiện thấp, dao động từ âm 0,05 đến 1,02% (Hình 7). Mặc dù đây là tỉnh khá phát triển so với cả nước. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa cao và ổn định, dao động từ 5,33 đến 13%, tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 1995-2014 là 9,24% (giá cố định 2010) hầu như sự đóng góp cho ngân sách đều phần lớn phụ thuộc vào đầu tư trong nước, hơn 15.000 tỷ đồng năm 2014. Trong khi, khu vực FDI đóng góp vào ngân sách Khánh Hòa năm 2014 đạt 316 tỷ đồng (chiếm 3,62% so với toàn ngành thuế); tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ đạt 1,52%. Đồng thời, kết quả cũng chỉ ra nguồn nhân lực có tác động cùng chiều đến RGDP và FDI. Ngoài ra, nghiên cứu chưa phát hiện độ mở thương mại có tác động đến RGDP và FDI.



Hình 7: Tốc độ tăng GRDP, FDI Khánh Hòa

Nguồn: Niên giám Thống kê Khánh Hòa

5 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng nguồn vốn nước ngoài để phát triển kinh tế tỉnh Khánh Hòa là cần thiết. Kết quả phân tích cho thấy FDI có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa trong hơn 20 năm qua. Mặc dù, mức độ đóng góp của khu vực FDI đối với tăng trưởng kinh tế ở Khánh Hòa còn hạn chế. Kết quả đo lường cho thấy phù hợp thực tiễn nghiên cứu Khánh Hòa, phù hợp với kết quả nghiên cứu trước. Đây chính là bằng chứng thực nghiệm để xây dựng một số kiến nghị thu hút quản lý FDI hiệu quả góp phần tăng trưởng kinh tế tại Khánh Hòa. Để thang đo hoàn thiện và sát với thực tế kết quả ước lượng trong nghiên cứu cho thấy các biến đo lường cần phải được đánh giá thảo luận chuyên gia, và khảo sát độ tin cậy dữ liệu khi dùng chúng để đo lường. Nghiên cứu còn hạn chế là chỉ nghiên cứu ở một số biến nên có thể bỏ sót biến quan trọng. Mô hình chưa xử lý vấn đề tương quan biến nội sinh; chưa xem xét ảnh hưởng của vốn FDI đối với các khu vực của tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa. Dữ liệu GRDP, vốn FDI tính theo tần suất tháng, quý cơ quan thống kê của tỉnh Khánh Hòa không theo dõi. Vốn FDI thực hiện, số lao động, sinh viên cao đẳng đại học tại Khánh Hòa năm 2014 tính trên biến động của các năm trước bằng phần mềm Eview. Trên cơ sở nghiên cứu này, các nghiên cứu tiếp theo nên chia nhiều giai đoạn và tập trung vào từng ngành để xem xét tác động giữa FDI và tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài với tăng trưởng kinh tế Khánh Hòa có mối quan hệ nhân quả một chiều, để thu hút vốn FDI góp phần tăng trưởng kinh tế ở Khánh Hòa cần có chính sách: phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư nước ngoài; khuyến khích, chọn lọc các dự án FDI phát triển ngành công nghiệp phụ trợ tạo liên kết bền vững giữa doanh nghiệp nước ngoài với doanh nghiệp trong nước trên nguyên tắc đôi bên cùng có

lợi, tiếp tục khuyến khích, ưu đãi khi đầu tư các dự án thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; hoàn thiện môi trường kinh doanh. Đồng thời, tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp FDI về thuế, lao động, môi trường làm hạn chế tác động tiêu cực của dòng vốn FDI mang đến cho địa phương. Mục tiêu của nhà đầu tư nước ngoài là lợi nhuận, do đó cần thực hiện các biện pháp đồng bộ để phát huy có hiệu quả mặt tích cực của dòng vốn FDI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Blomstrom, M., Lipsey, R.E and Zejan, M., 1996. Is Fixed Investment the Key to Economic Growth?. *Quarterly Journal of Economics*, vol CXI, Issue 1: 269-276.

Borensztein, E., De Gregorio, J., and Lee, J.W., 1998. How Does Foreign Direct Investment Affect Economic Growth?. *Journal of International Economics*. 45: 115-135.

De Mello, L.R., 1997. Foreign Direct Investment in Developing Countries and Growth: A Selective survey. *Journal of Development Studies*. 34: 1-34.

Dunning, J.H, 1981. *International Production and the Multinational Enterprise*. London, George, A. and Unwin.

Hồ Đắc Nghĩa, 2014. Mô hình phân tích mối quan hệ của FDI và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Hsiao, F and M.C. Hsiao, 2006. FDI, Exports, and Growth in East and Southeast Asia Evidence from Time series and Panel data causality analyses. *Journal of Asian Economics*. 17: 1082-1106.

Karikari, J.A, 1992. Causality Between Direct Foreign Investment and Economic Output in Ghana. *Journal of economic development*. 1: 7-17.

Luu Phong, 2013. Hơn 10 năm mới xử lý hết “núi” hạt nix thải, ngày truy cập 20/2/2015. Địa chỉ: <http://laodong.com.vn/moi-truong/hon-10-nam-moi-xu-ly-het-nui-hat-nix-thai-99846.bld>.

Nguyễn Thị Tuệ Anh, Vũ Xuân Nguyệt Hồng, Trần Toàn Thắng, Nguyễn Mạnh Hải, 2006. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, ngày truy cập 20/2/2015. Địa chỉ: http://www.ciem.org.vn/Portals/0/CIEM/BaoCaoKhoaHoc/2005/RRFDITang_truong_KTvietnamese_233.pdf.

Sajid Anwar and Lan Phi Nguyen, 2010. Foreign Direct Investment and Economic Growth in Vietnam. *Asia Pacific Business Review*, Vol.16. Nos.1-2: 183-202.

Solow R., 1956. A Contribution to the Theory of Economic Growth. *Quarterly Journal of Economics* 70: 65-94.

Sử Đình Thành và Nguyễn Minh Tiến, 2014. Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế địa phương ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. 283: 21-41.

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, 2015. Báo cáo số 179/BC-UBND, ngày 31/8/2015 về “Báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn I (2011-2015) và phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn II (2016-2020) tỉnh Khánh Hòa”.